

Bản án số: 1145/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Nam**
2. Bà **Đoàn Thị Thanh Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Hà Thanh Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 448/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2689/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 5418/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6941/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hương L**, sinh năm 1980

Địa chỉ: tổ 8, ấp H, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Kim Jin G**, sinh năm 1957

Địa chỉ: 31 J-ri S-eup J-gun K-do Republic of Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2018 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Hương L trình bày:

Bà và ông Kim Jin G quen biết với nhau khoảng 1 tuần trước khi kết hôn. Việc đăng ký kết hôn do đôi bên tự nguyện, thủ tục thực hiện đăng ký ở Hàn Quốc theo Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân do Cộng hòa Hàn Quốc cấp ngày 10/12/2012. Sau đó, ông Kim Jin G về Việt Nam, hai bên đã làm thủ tục ghi chú

vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh số 67 quyển số 01/2013 ngày 07/01/2013.

Sau khi xong thủ tục kết hôn, ông Kim Jin G trở về Hàn Quốc, còn bà sống ở Việt Nam. Thực tế vợ chồng chưa có sống chung, từ khi kết hôn bà chỉ gặp ông Kim Jin G có 02 lần và có 02 lần điện thoại liên lạc. Từ năm 2013 đến nay, hai bên chấm dứt mọi liên lạc. Bà xác định việc kết hôn không có thời gian tìm hiểu trước, không có tình cảm với nhau nên không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân giữa đôi bên, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Kim Jin G cư trú ở Hàn Quốc, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 730/UTTPDS-TA30 ngày 17/10/2018. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 17/7/2019, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 15/8/2019. Văn bản đã được Bộ Tư pháp gửi đến Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc vào ngày 05/12/2018. Ngày 04/6/2019, Tòa án nhận được văn bản của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với đương sự Kim Jin G có địa chỉ tại Hàn Quốc.

Đến ngày mở phiên tòa, Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Kim Jin G và ông cũng không có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn bà Trần Thị Hương L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trần Thị Hương L được ly hôn ông Kim Jin G. Con chung không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hương L đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Kim Jin G cư trú tại Đại Hàn Dân Quốc; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Hương L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Kim Jin G vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Trần Thị Hương L và ông Kim Jin G tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012, có Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân do Cộng hòa Hàn Quốc cấp ngày 10/12/2012 và ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh số 67, quyền số 01/2013 ngày 07/01/2013. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Trần Thị Hương L thì sau khi hoàn tất thủ tục kết hôn ông Kim Jin G trở về Hàn Quốc còn bà vẫn sống ở Việt Nam. Thực tế hai bên chưa có cuộc sống chung, bà chỉ gặp được ông Kim Jin G có 02 lần và hai bên cũng chỉ liên lạc qua điện thoại với nhau 02 lần. Từ năm 2013 đến nay, đôi bên chấm dứt mọi liên lạc. Bà xác định việc kết hôn giữa đôi bên không có thời gian tìm hiểu, bà không có tình cảm với ông Kim Jin G. Nay bà không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nên có yêu cầu được ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L.

Về con chung: Bà Trần Thị Hương L khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Hương L khai không có. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hương L được ly hôn ông Kim Jin G.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hương L và ông Kim Jin G theo Ghi chú kết hôn vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh số 67 quyển số 01/2013 ngày 07/01/2013 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Hương L khai không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Hương L khai không có.

Nếu có tranh chấp về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị Hương L nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0049574 ngày 29/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Hương L và bị đơn ông Kim Jin G; bà Trần Thị Hương L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Kim Jin G được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung